TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRIỆU PHONG** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-8-2023.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Phước.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Thế Nam.
2. Ông Nguyễn Như Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 93/2023/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Thu C, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn Cổ Thành, xã Triệu Thành, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Quang T, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn Cổ Thành, xã Triệu Thành, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2023, nguyên đơn chị Đoàn Thị Thu C trình bày:

Chị Đoàn Thị Thu C và anh Lê Quang T yêu nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường 2, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị vào ngày 11 tháng 9 năm 2007. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng làm nhà riêng và sinh sống với nhau tại thôn Cổ Thành, xã Triệu Thành, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên to tiếng, cãi vả lẫn nhau; thậm chí, anh T còn đánh đập chị C nên có lần Công an xã Triệu Thành phải đến làm việc. Chị C cho rằng mặc dù vợ chồng mâu thuẫn nhưng chị C đã nhiều lần khuyên bảo anh T để vợ chồng đoàn tụ, nuôi dạy con cái nhưng anh T vẫn chứng nào tật ấy, cứ vợ chồng to tiếng, cãi vả thì anh T đánh đập chị C. Do đó, chị C thấy tình cảm vợ chồng

không còn, hôn nhân không đạt được mục đích, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài nên chị C đề nghị Tòa án giải quyết cho chị C được ly hôn với anh Lê Quang T càng sớm càng tốt.

Về con chung: Vợ chồng có 2 người con chung là cháu Lê Thị Thúy A, sinh ngày 14/7/2002 và cháu Lê Hoài Bảo K, sinh ngày 18/11/2008. Hiện cháu A đã trưởng thành và tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu K nếu ly hôn chị C đề nghị giao cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 01/6/2023, bị đơn anh Lê Quang T trình bày:

Anh Lê Quang T và chị Đoàn Thị Thu C yêu nhau tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường 2, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị vào ngày 11 tháng 9 năm 2007. Sau khi kết hôn hai vợ chồng làm nhà riêng và sinh sống với nhau tại thôn Cổ Thành, xã Triệu Thành, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân là do chị C vay nợ của nhiều người nên hiện tại vợ chồng còn vay nợ tiền của nhiều người. Anh T không đồng ý ly hôn trừ khi chị C giải quyết xong việc chị C vay tiền của người khác.

Về con chung: Vợ chồng có 2 người con chung là cháu Lê Thị Thúy A, sinh ngày 14/7/2002 và cháu Lê Hoài Bảo K, sinh ngày 18/11/2008. Hiện cả hai cháu đang sinh sống với anh T, trong đó cháu A đã trưởng thành và tự lập, còn cháu K do anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, xử cho chị Đoàn Thị Thu C được ly hôn với anh Lê Quang T. Về con chung: Giao cháu Lê Hoài Bảo K, sinh ngày 18/11/2008 cho anh Lê Quang T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị C không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị Đoàn Thị Thu C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 31/5/2023, Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong thụ lý vụ án và đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho chị Đoàn Thị Thu C và anh Lê Quang T. Trong thời hạn quy định, anh Đoàn

Quang T có bản trình bày gửi đến Tòa án. Tòa án thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 30/6/2023 và 20/7/2023 nhưng chị C có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt chị C. Đối với anh T có mặt các phiên họp và Tòa án lập biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận chứng cứ nhưng anh T không ký vào biên bản. Ngày 07/8/2023, Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày 24/8/2023. Tại phiên tòa hôm nay, chị C có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T có mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Quang T có nơi cư trú tại thôn Cổ Thành, xã Triệu Thành, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ Hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Đoàn Thị Thu C và anh Lê Quang T là hôn nhân hợp pháp, yêu nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 2, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị vào ngày 11 tháng 9 năm 2007. Theo chị C trình bày, sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp nên thường xuyên to tiếng, cãi vả lẫn nhau; thậm chí, anh Tâm còn đánh đập chị C nên Công an xã Triệu Thành phải đến làm việc và mỗi khi vợ chồng to tiếng, cãi vả thì anh Tâm lại đánh đập chị C. Phía anh T cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân là chị C vay tiền của nhiều người nên hiện tại vợ chồng còn nợ tiền của nhiều người do đó anh Tâm đề nghị chị C giải quyết các khoản nợ xong trước khi ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương thì vợ chồng chị C và anh T trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình hai vợ chồng không hợp nhau, quan điểm sống của hai vợ chồng khác nhau và chị C có vay tiền nhiều người nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng của chị C và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung của hai vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị C, xử cho chị C được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị Đoàn Thị Thu C và anh Lê Quang T có hai con chung là cháu Lê Thị Thúy A, sinh ngày 14/7/2002 và cháu Lê Hoài Bảo K, sinh ngày 18/11/2008. Đối với cháu A hiện đã trên 18 tuổi, tự nuôi sống bản thân nên chị C, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu K chị C đề nghị giao cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc giao con cho ai trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng là xem xét đến điều kiện của bố, mẹ và khả năng phát triển cũng như quyền lợi về mọi mặt của con chung; thấy rằng hiện tại anh T có công ăn việc làm ổn định, làm nghề lái xe đủ điều kiện nuôi con. Hơn nữa hiện tại cháu K đang sinh sống với anh T và nguyện vọng của cháu K cũng mong muốn ở với anh T nên cần giao cháu Lê Hoài Bảo K, sinh ngày 18/11/2008 cho anh Lê Quang T tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị C không yêu yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Đối với anh T trong bản trình bày ý kiến anh cho rằng hiện nay chị C vay nợ nhiều người nên vợ chồng còn nợ một số người. Tuy nhiên, trong bản trình bày ý kiến anh T cũng không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung và quá trình giải quyết vụ án anh T cũng không yêu cầu về tài sản chung và nợ chung nên không xem xét. Nếu sau này, chị C, anh T có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Đoàn Thị Thu C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về mặt tình cảm: Xử cho chị Đoàn Thị Thu C được ly hôn với anh Lê Quang T.

2. Về con chung: Xử giao anh Lê Quang T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Hoài Bảo K, sinh ngày 18/11/2008. Chị Đoàn Thị Thu C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; không ai được cản trở trong việc thăm nom con chung. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Buộc chị Đoàn Thị Thu C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000458 ngày 30/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Chị Đoàn Thị Thu C đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- THADS huyện Triệu Phong;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND phường 2, tx Quảng Trị;
- Lưu: Hồ sơ, Văn thư .

Phan Hồng Phước

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị**;**
- VKSND huyện Triệu Phong;
- THADS huyện Triệu Phong;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND phường 2, tx Quảng Trị;
- Lưu: Hồ sơ, Văn thư .

Phan Hồng Phước